

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH



Chương 4

Kế toán tài sản cố định

2024

Nội dung

Những khái niệm và nguyên tắc cơ bản

- TSCĐ hữu hình
- TSCĐ vô hình

Ứng dụng vào hệ thống tài khoản kế toán

3

Mục tiêu

- Sau khi học xong chương này, người học có thể:
 - Giải thích được những yêu cầu cơ bản của chuẩn mực kế toán liên quan đến TSCĐ.
 - Nhận diện và vận dụng các tài khoản kế toán thích hợp trong xử lý các giao dịch liên quan đến TSCĐ.

2

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Những khái niệm và nguyên tắc cơ bản

Các văn bản và quy định liên quan

Định nghĩa

Phân loại


Ghi nhận

Xác định nguyên giá

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

Khấu hao TSCĐ và các PP khấu hao

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ



Các Văn bản và quy định liên quan

- Chuẩn mực chung – VAS 01
- Chuẩn mực kế toán TSCĐ hữu hình – VAS 03
- Thông tư 200/2014/TT-BTC
- Kế toán tài sản cố định thuê tài chính sẽ được trình bày trong học phần Kế toán tài chính 2.

5

Phân loại TSCĐ hữu hình

- Nhà cửa, vật kiến trúc;
- Máy móc, thiết bị;
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn;
- Thiết bị, dụng cụ quản lý;
- Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm;
- TSCĐ hữu hình khác.

7

Định nghĩa TSCĐ hữu hình

- TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nhắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình
 - Khái niệm tài sản không yêu cầu quyền sở hữu
 - TSCĐHH có hình thái vật chất
 - TSCĐHH sử dụng vào mục đích SXKD, không bao gồm các tài sản giữ để bán hay đầu tư
 - Phải thỏa mãn các tiêu chuẩn

6

Ghi nhận TSCĐ hữu hình

- Tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn tiêu chuẩn (4) ghi nhận là:
 - (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
 - (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
 - (c) Thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
 - (d) Có đủ giá trị theo quy định hiện hành". *

* Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC là từ 30 triệu đồng trở lên.

8

Ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp)

- Các vấn đề cần lưu ý:
 - Lợi ích kinh tế tương lai
 - Phân biệt giữa chi phí và TSCĐ hữu hình
 - Nguyên giá xác định một cách đáng tin cậy
 - Trường hợp TSCĐ là hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau.

9

Xác định nguyên giá



Mua sắm



Tự chế, tự xây dựng



Được biếu tặng



Trao đổi TSCĐ

11

Ví dụ 1

Công ty ABC đã xây dựng hoàn thành tòa nhà văn phòng làm việc. Tòa nhà có 6 tầng, 2 thang máy.

-Giá trị quyết toán của tòa nhà là 2.400 triệu đồng

-Giá trị thang máy 120 triệu đồng/cái

Kế toán công ty ABC sẽ nhận tòa nhà và hệ thống thang máy như thế nào?

10

Mua ngoài

Nguyên giá bao gồm:

- Giá mua (theo giá trả ngay)
 - Đã trừ chiết khấu thương mại/giảm giá
- Các khoản thuế không được hoàn lại
- Chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng
- *Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế:*
 - Nguyên giá = Tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

12

Ví dụ 2

- Công ty AMA nhập khẩu máy khoan từ Hàn Quốc với các dữ liệu sau:
 - Giá mua là 6.000usd, TGGD là 20.000đ/usd,
 - Thuế nhập khẩu là 6 triệu đồng,
 - Thuế GTGT được khấu trừ là 12,6 triệu đồng.
 - Bộ phụ tùng tặng kèm là bộ mũi khoan với giá trị hợp lý là 800usd.
 - Chi phí nhập khẩu, vận chuyển là 1,2 triệu đồng đã trả bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Hãy xác định nguyên giá của máy khoan

$$\text{Nguyên giá máy khoan} = 6.000 \times 20.000 + 6.000.000 + 1.200.000 - 800 \times 20.000 = 111.200.000đ$$

13

Bài tập thực hành 1 (tiếp)

- Ngày 12/3 cho máy hoạt động thử, số nguyên liệu nhựa sử dụng 10 triệu xuất từ kho nhà máy, tiền công lao động khoán 2 triệu, máy vận hành đạt yêu cầu và đã ký nghiệm thu. Phế liệu nhựa thu hồi đánh giá 1 triệu.
- Ngày 15/3 bắt đầu sản xuất lô hàng đầu tiên với số lượng nhựa 200 triệu, nhân công 5 triệu nhưng sản phẩm chưa đạt yêu cầu khách hàng nên đưa vào tái chế. Giá trị sản phẩm hỏng đưa vào tái chế được đánh giá là 20 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định nguyên giá thiết bị.

15

Bài tập thực hành 1

- Nhật ký đầu tư thiết bị sản xuất nhựa C-02 như sau:
 - Ngày 2/3 ký hợp đồng mua với tổng giá thanh toán 870 triệu (bao gồm thuế GTGT 70 triệu, lãi do trả chậm 100 triệu)
 - Ngày 5/3 chi xây dựng, lắp đặt bộ máy và hệ thống điện, nước phục vụ sẵn sàng cho lắp đặt thiết bị 15 triệu.
 - Ngày 7/3 nhận bàn giao
 - Ngày 8/3 thi công lắp đặt dưới sự hướng dẫn của chuyên gia tư vấn độc lập, chi phí chuyên gia là 44 triệu (bao gồm thuế GTGT 10%)

14

Do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

• Theo phương thức giao thầu:

NG = Giá quyết toán + Chi phí khác có liên quan trực tiếp + Lệ phí trước bạ.

• Tự xây dựng:

NG = Giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng

• Tự sản xuất

NG = Giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình + Chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

16

Ví dụ 3

- DN A xây dựng một nhà kho theo phương thức giao thầu nhân công cho công ty B, thông tin chi tiết như sau:
 - Nguyên vật liệu cho xây dựng 400 trđ
 - Chi phí công cụ dụng cụ: 10 trđ
 - Tiền thanh toán cho công ty B 132 trđ, trong đó có thuế GTGT 10%.
 - Chi phí khác phục vụ cho xây dựng nhà kho chi bằng tiền mặt 12 trđ.
 - Phế liệu thu hồi từ xây dựng bán thu bằng tiền mặt 3 trđ.
 - Công trình hoàn thành sau 4 tháng thi công.
- Yêu cầu: Xác định giá trị xây dựng của nhà kho, biết thuế GTGT khấu trừ.

17

Ví dụ 4A

- Ngày 24.03.20X0, công ty Hoàng Gia đổi một máy cắt vải với công ty C để lấy một máy sấy và trả thêm 10 triệu đồng cho C. Máy cắt vải có nguyên giá 220 triệu đồng, đã khấu hao 60 triệu đồng. Giá trị hợp lý của máy sấy là 80 triệu đồng, chi phí vận chuyển và lắp đặt là 10 triệu đồng. Các khoản chi trên đều trả bằng tiền gửi ngân hàng.
- Tính nguyên giá TSCĐ nhận về (giả sử không xét đến thuế GTGT)

19

Do trao đổi

▪ Không tương tự:

Nguyên giá TSCĐ nhận về = Giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về (hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi) +/- Các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm/ thu về + Chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

▪ Tương tự:

Nguyên giá TSCĐ nhận = Giá trị còn lại của TSCĐ đem trao đổi.

18

Ví dụ 4B

- Công ty Hoàng Gia cần điều chuyển một thiết bị chống nấn vải từ Hà Nội vào TPHCM. Cùng lúc, công ty B lại có nhu cầu ngược lại, muốn mang thiết bị chống nấn vải của mình từ TPHCM ra Hà Nội. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển, hai bên thống nhất sẽ trao đổi ngang giá, nghĩa là Công ty Hoàng Gia giao thiết bị của mình cho chi nhánh của công ty B ở Hà Nội; đồng thời công ty B chuyển giao máy tại TPHCM cho nhà máy của Hoàng Gia tại TPHCM. Được biết thiết bị chống nấn vải của Hoàng Gia có nguyên giá là 180 triệu đồng, đã khấu hao 80 triệu đồng. Công ty trả tiền vận chuyển về nhà máy bằng tiền mặt là 5 triệu đồng.

Nguồn: Tim hiểu chuẩn mực kế toán Việt Nam

20

Nhận góp vốn, nhận lại vốn góp

- Nguyên giá
 - ✓ Giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc,
 - ✓ Doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận hoặc
 - ✓ Tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

21

Chi phí sau ghi nhận ban đầu

Tùy thuộc vào bản chất của chi phí là có làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai hay không?



23

Được tài trợ, biếu, tặng, do phát hiện thừa

- Nguyên giá = Giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp + Các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

22

Chi phí sau ghi nhận ban đầu (tiếp)

- **Tăng lợi ích kinh tế:**
 - Thay đổi TSCĐ hữu hình và làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng.
 - Cải tiến TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm
 - Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước đó.
- **Không tăng lợi ích kinh tế:**
 - Các chi phí nhằm phục hồi hay duy trì hoạt động của tài sản như sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng...

24

Ví dụ 5

- Công ty chi 20 triệu đồng để tân trang lại thùng xe và sửa thắng, xe này dùng để chuyên chở hàng hóa.
- Công ty tiến hành sửa chữa một xe vận tải dùng để bán hàng. Công ty đã thay mới các phụ tùng của xe có trị giá 90 triệu đồng. Việc nâng cấp sẽ làm tăng thời gian sử dụng TSCĐ là 3 năm và bớt tiêu hao nhiên liệu 15%.

Yêu cầu: Hãy cho biết trong mỗi trường hợp trên, khoản chi nào sẽ làm tăng nguyên giá của TSCĐ và cách ghi nhận vào sổ sách kế toán.

Nguồn: Tìm hiểu chuẩn mực kế toán Việt Nam
25

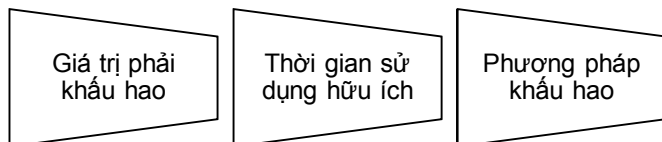
Giá trị phải khấu hao

- Là nguyên giá của TSCĐ hữu hình ghi trên báo cáo tài chính, trừ (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó.
- Giá trị thanh lý là giá trị ước tính thu được khi hết thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, sau khi trừ (-) chi phí thanh lý ước tính.
- Các vấn đề cần lưu ý:
 - Quan hệ giữa thời gian hữu dụng và giá trị thanh lý ước tính
 - Trường hợp giá trị thanh lý nhỏ hoặc âm

27

Khấu hao TSCĐ

- Khấu hao là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.
- Khấu hao là một khoản ước tính kế toán
- Các khái niệm cần lưu ý:



26

Thời gian sử dụng hữu ích

- Là thời gian mà tài sản mang lại lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu hiện tại, khác với thời gian sử dụng là thời gian tài sản có thể sử dụng được và mang lại lợi ích kinh tế đối với một hay nhiều chủ sở hữu.



28

Thời gian sử dụng hữu ích (tiếp)

- Các yếu tố cần xem xét khi xác định thời gian sử dụng hữu ích:
 - Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đối với tài sản đó.
 - Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản
 - Hao mòn vô hình
 - Giới hạn có tính pháp lý trong việc sử dụng tài sản.

29

Khấu hao đường thẳng

- Là phương pháp đơn giản nhất và được sử dụng phổ biến nhất.
- Mức khấu hao hàng năm được xác định bằng giá trị phải khấu hao chia cho thời gian sử dụng hữu ích ước tính của TSCĐ. Phương pháp này chỉ dựa trên nhân tố thời gian mà không quan tâm đến công suất hay mức độ sử dụng tài sản.

31

Phương pháp khấu hao

- Khấu hao đường thẳng
- Khấu hao theo số dư giảm dần
- Khấu hao theo sản lượng

30

Khấu hao đường thẳng (tiếp)

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ tính khấu hao}}{\text{TSCĐ}} \times \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ}}{\text{TSCĐ}}$$

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ (\%)}}{\text{TSCĐ (\%)}} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng hữu ích}} \times 100\%$$

32

Ví dụ 6

- Có các thông tin về một TSCĐ như sau:
 - Nguyên giá của TSCĐ 95.000.000 đ
 - Giá trị thanh lý ước tính 5.000.000 đ
 - Thời gian sử dụng hữu ích ước tính 5 năm
 - Tổng số lượng sản phẩm SX ước tính 1.000.000 đv

Yêu cầu

- Tính tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Tính mức khấu hao hàng năm theo phương pháp đường thẳng

Nguồn: *Tim hiểu chuẩn mực kế toán Việt Nam*

33

Khấu hao theo số dư giảm dần

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ phải khấu hao}}{\text{TSCĐ phải khấu hao}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

35

Khấu hao theo số dư giảm dần

- Phương pháp này dựa trên các cơ sở sau:
 - Một số tài sản chỉ mang lại hiệu quả cao trong những năm đầu và giảm dần hiệu quả theo thời gian.
 - Chi phí sửa chữa bảo trì ngày càng tăng theo thời gian sử dụng tài sản.
- Mức khấu hao được xác định bằng tỷ lệ khấu hao cố định nhân với giá trị còn lại phải tính khấu hao.
Tỷ lệ khấu hao cố định được xác định bằng tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng nhân cho một hệ số điều chỉnh.

34

Thời điểm chuyển sang PP đường thẳng

- Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên **bằng (hoặc thấp hơn)** mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

36

Ví dụ 7

- Sử dụng dữ liệu của ví dụ 6, tính mức khấu hao hàng năm theo phương pháp số dư giảm dần.

Nguồn: Tìm hiểu chuẩn mực kế toán Việt Nam

37

Khấu hao theo sản lượng (tiếp)

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị phải khấu hao}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao năm của TSCĐ} = \text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

39

Khấu hao theo sản lượng

- Áp dụng cho các tài sản mà mức độ sử dụng không đều giữa các năm.
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản được tính bằng số lượng sản phẩm như: số lượng sản phẩm sản xuất, số giờ máy chạy, số km xe chạy...
- Mức khấu hao hàng năm được tính bằng tỷ lệ khấu hao cho từng đơn vị sản phẩm nhân với số lượng sản phẩm sản xuất trong năm.

38

Ví dụ 8

- Sử dụng dữ liệu ở ví dụ 6, giả định sản lượng sản phẩm theo công suất thiết kế của tài sản này là 1.000.000 đơn vị.
- Tính khấu hao của năm thứ 1 với sản lượng thực tế là 189.000 đơn vị.

40

Lựa chọn phương pháp khấu hao

- Tùy thuộc vào đặc điểm của TSCĐ
- Quan hệ giữa thời gian sử dụng hữu ích của tài sản với lợi ích mà tài sản mang lại.
- Phương pháp khấu hao có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

41

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Những khái niệm và nguyên tắc cơ bản

Các chuẩn mực liên quan

Định nghĩa

Phân loại

Ghi nhận

Xác định nguyên giá

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

Khấu hao TSCĐ và các PP khấu hao



Thanh lý, nhượng bán

- Khi một tài sản không còn hữu ích đối với DN do hư hỏng, lỗi thời hoặc khai thác kém hiệu quả, DN sẽ thanh lý hay nhượng bán tài sản đó.
- Hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xem như hoạt động khác của DN.

42

Các chuẩn mực liên quan

- Chuẩn mực chung– VAS 01
- Chuẩn mực kế toán TSCĐ vô hình– VAS 04
- Thông tư 200/2014/TT-BTC

44

Định nghĩa

- TSCĐ vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

45

Phân loại TSCĐ vô hình

- Quyền sử dụng đất;
- Nhãn hiệu hàng hoá (do mua);
- Quyền phát hành;
- Phần mềm máy vi tính;
- Giấy phép và giấy phép nhượng quyền;
- Bản quyền, bằng sáng chế;
- Công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu, thiết kế và vật mẫu;
- TSCĐ vô hình đang triển khai.

47

Các tiêu chuẩn

- Một nguồn lực vô hình sẽ là TSCĐ vô hình nếu thỏa mãn các tiêu chuẩn:
 - Có thể xác định được,
 - Khả năng kiểm soát nguồn lực và
 - Tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai.

46

Ghi nhận tài sản cố định vô hình

□ Theo VAS 04: Một tài sản vô hình được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời định nghĩa về TSCĐ vô hình và bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận như sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành. *

* Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC là từ 30 triệu đồng trở lên.

48

Xác định nguyên giá

- Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến.
- *Các trường hợp xác định Nguyên giá tham khảo mục xác định NG của TSCĐ hữu hình*

49

Ví dụ 9

3. Nhà nước cấp cho công ty quyền sử dụng 1 Ha đất trong thời gian 30 năm để xây dựng xưởng chế biến. Để sử dụng lô đất, công ty phải chi trả bằng tiền gửi ngân hàng các khoản sau:
 - Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: 1 tỷ đồng.
 - Chi san lấp mặt bằng: 1,2 tỷ đồng.
 - Chi phí khác: 0,5 tỷ đồng.
4. Công ty mua trả chậm một nhãn hiệu hàng hoá. Giá mua trả ngay là 2 tỷ đồng. Người bán cho trả chậm trong 3 năm với giá 2,4 tỷ đồng.
5. Chi đăng ký nhãn hiệu sản phẩm thương mại bằng tiền mặt 30 triệu đồng. Thủ tục phí đăng ký được thanh toán bằng tiền tạm ứng là 200.000 đồng.

51

Ví dụ 9

Xác định nguyên giá TSCĐ vô hình trong các trường hợp sau:

1. Chi tiền mặt 30 triệu đồng để mua bằng sáng chế sản phẩm và chi 2 triệu đồng trả lệ phí đăng ký sở hữu bằng sáng chế.
2. Chi tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam) để trả tiền mua một căn nhà làm Cửa hàng giới thiệu và bán lẻ sản phẩm với giá 500 lượng vàng (giá 35 triệu đồng/lượng). Lệ phí trước bạ của căn nhà đã nộp bằng tiền mặt 20 triệu đồng. Theo đánh giá của công ty, giá trị của từng tài sản như sau :
 - a) Giá trị về kiến trúc của cửa hàng : 150 lượng vàng.
 - b) Giá trị quyền sử dụng đất: 350 lượng vàng.

50

Trường hợp tài sản tạo ra từ nội bộ

- Nhãn hiệu HH, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự được hình thành trong nội bộ doanh nghiệp không được ghi nhận là TSCĐ vô hình.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu không được ghi nhận là TSCĐ vô hình mà được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

52

Trường hợp tài sản tạo ra từ nội bộ (tiếp)

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu thỏa mãn các điều kiện quy định.
 - Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
 - DN dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
 - DN có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
 - Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
 - Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
 - Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
 - Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho TSCĐ vô hình.

53

Ví dụ 10

Có tình huống sau đây tại công ty Cát Tường :

1. Chi tiền mặt trả tiền quảng cáo và đăng bố cáo thành lập chi nhánh của công ty 33.000.000đ (trong đó thuế GTGT là 3.000.000đ).
 2. Chi vẽ bảng hiệu bằng tiền mặt 22.000.000đ (trong đó thuế GTGT là 2.000.000đ).
 3. Chi đào tạo nhân viên đã trả bằng tiền gửi ngân hàng là 15.000.000đ.
 4. Chi tiếp khách và các khoản chi khác nhân ngày khai trương và đã trả bằng tiền mặt là 15.000.000đ.
- Yêu cầu: Xác định các khoản chi được vốn hóa để ghi nhận vào TSCĐ vô hình

55

Ghi nhận chi phí

- Các khoản chi phát sinh tuy đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai nhưng không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình thì được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ:
 - Chi phí thành lập doanh nghiệp.
 - Chi phí đào tạo nhân viên.
 - Chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập.
 - Chi phí chuyển dịch địa điểm, chi phí mở ra các chi nhánh mới.
- Các khoản chi trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ hoặc được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh với thời gian tối đa 3 năm.

54

Chi phí sau ghi nhận ban đầu

- Cách thức xử lý chi phí sau ghi nhận ban đầu tương tự như TSCĐ hữu hình.

56

Ví dụ 11 A

Trong các năm 20X0, 20X1 và 20X2, Công ty Huy Hoàng tiến hành nghiên cứu để phát triển sản phẩm mới, các khoản chi phát sinh là:

1. Chi phí nghiên cứu năm 20X0 là 50 triệu đồng.
2. Ngày 01.01.20X1 doanh nghiệp đủ điều kiện vốn hóa chi phí triển khai, chi phí triển khai trong năm 20X1 là 80 triệu đồng và công ty xác định công trình nghiên cứu đã đạt kết quả là tạo ra được một quy trình sản xuất sản phẩm mới. Để được cấp bằng sáng chế cho công trình này, công ty đã chi thêm 30 triệu đồng để đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.
3. Năm 20X2, chi 30 triệu đồng trả thù lao cho luật sư để bảo vệ bằng sáng chế trong một vụ kiện.

Yêu cầu: Hãy cho biết các khoản chi trên có được vốn hóa để ghi nhận là TSCĐ vô hình hay không? Giải thích.

57

Thời gian sử dụng hữu ích

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ vô hình cần phải xem xét :

- Khả năng sử dụng dự tính của tài sản;
- Sự lạc hậu về kỹ thuật, công nghệ;
- Thời gian kiểm soát tài sản, những hạn chế về mặt pháp lý và những hạn chế khác về quá trình sử dụng tài sản;
- Trong một số trường hợp do rất khó xác định thời gian dự tính sử dụng tài sản, do đó, VAS 04 quy định thời gian tính khấu hao của TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm (ngoại trừ quyền sử dụng đất).
- ...

59

Khấu hao

- Khấu hao là việc phân bổ có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.
- Khấu hao TSCĐ vô hình tương tự như TSCĐHH nhưng cần lưu ý về:
 - Giá trị thanh lý ước tính
 - Thời gian sử dụng hữu ích
 - Phương pháp khấu hao

58

Ví dụ 11 B

Có các nghiệp vụ sau đây tại công ty Huy Hoàng:

1. Mua lại một giấy phép nhượng quyền kinh doanh với giá 50 triệu đồng. Giấy phép có thời gian hiệu lực là 5 năm và theo thỏa thuận khi thời gian hiệu lực kết thúc công ty sẽ được tiếp tục gia hạn thêm 10 năm nữa nếu đáp ứng được yêu cầu của bên nhượng quyền.
2. Mua một bằng sáng chế với giá 80 triệu đồng. Chi phí đăng ký bằng sáng chế 10 triệu đồng. Thời gian có hiệu lực về pháp lý là 8 năm.
3. Được nhà nước cấp quyền sử dụng 30 ha đất trong thời gian 50 năm. Các chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng đất là 800 triệu đồng.

Hãy xác định thời gian tính khấu hao của các loại TSCĐ nêu trên

60

Phương pháp khấu hao

- VAS 04 cho phép chọn 3 phương pháp tương tự như TSCĐ hữu hình. Tuy nhiên, thường TSCĐ vô hình được khấu hao đường thẳng.

61

Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 211 / 213	Có
<ul style="list-style-type: none">• Nguyên giá TSCĐ tăng trong kỳ (do mua sắm, xây dựng, nhận vốn góp, được cấp ...)• Điều chỉnh tăng nguyên giá		<ul style="list-style-type: none">• Nguyên giá TSCĐ giảm trong kỳ (do nhượng bán, thanh lý, kiểm kê phát hiện thiếu, góp vốn...)• Điều chỉnh giảm nguyên giá
<u>Dư Nợ:</u> – Nguyên giá TSCĐ hiện có ở doanh nghiệp		

Ứng dụng vào hệ thống tài khoản

- Tài khoản sử dụng
- Nguyên tắc kế toán
- Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản

62

Tài khoản chi tiết

TK 211

- TK 2111- Nhà cửa, vật kiến trúc
- TK 2112- Máy móc, thiết bị
- TK 2113- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- TK 2114- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TK 2115- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm
- TK 2118- TSCĐ khác

TK 213

- TK 2131- Quyền sử dụng đất
- TK 2132- Quyền phát hành
- TK 2133- Bản quyền, bằng sáng chế
- TK 2134- Nhãn hiệu, tên thương mại
- TK 2135- Chương trình phần mềm
- TK 2136- Giấy phép và giấy phép nhượng quyền
- TK 2138- TSCĐ vô hình khác

64

Nguyên tắc hạch toán

- TK này dùng để theo dõi TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá.
- Mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập biên bản giao nhận, biên bản thanh lý TSCĐ và phải thực hiện các thủ tục quy định. Kế toán có nhiệm vụ lập và hoàn chỉnh hồ sơ TSCĐ về mặt kế toán.
- TSCĐ phải được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng ghi TSCĐ, theo từng loại TSCĐ và địa điểm bảo quản, sử dụng, quản lý TSCĐ.

65₆₅

Tài khoản chi tiết

- TK 2141- Hao mòn TSCĐ hữu hình
- TK 2142- Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- TK 2143- Hao mòn TSCĐ vô hình
- TK 2147- Hao mòn BĐS đầu tư

67₆₇

Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 214	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Giá trị hao mòn của TSCĐ giảm do thanh lý, nhượng bán, góp vốn liên doanh, ... 	<ul style="list-style-type: none"> • Giá trị hao mòn của TSCĐ tăng do trích khấu hao 	
	<p><u>Dư Có:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hiện có tại đơn vị 	

Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và BĐSĐT trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BĐSĐT.
- Trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, doanh nghiệp không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

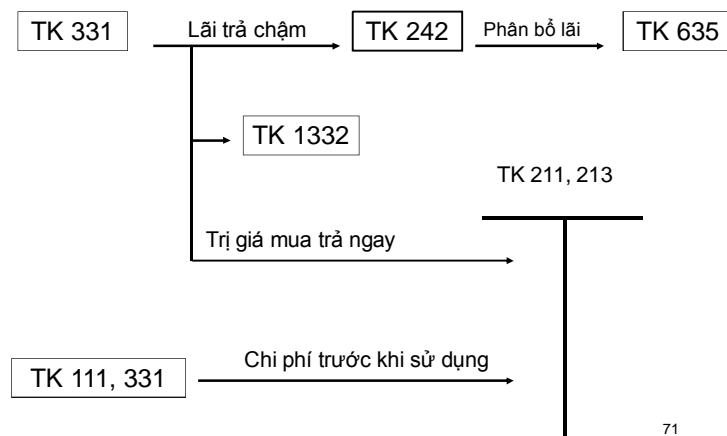
68

Các NVKT PS cơ bản

- **Nghiệp vụ tăng TSCĐ**
 - Tăng do mua ngoài
 - Tăng do xây dựng đưa vào sử dụng
 - Tăng do nhận biếu tặng
 - Tăng do trao đổi
- **Nghiệp vụ giảm TSCĐ**
 - Thanh lý nhượng bán

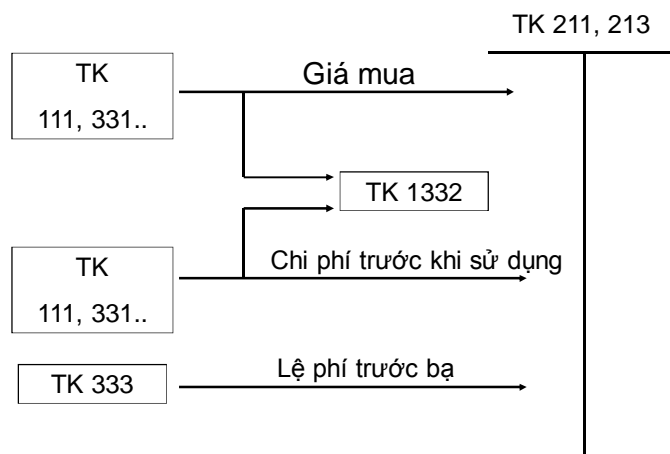
69

Tài sản cố định mua trả chậm



71

Mua tài sản cố định



70

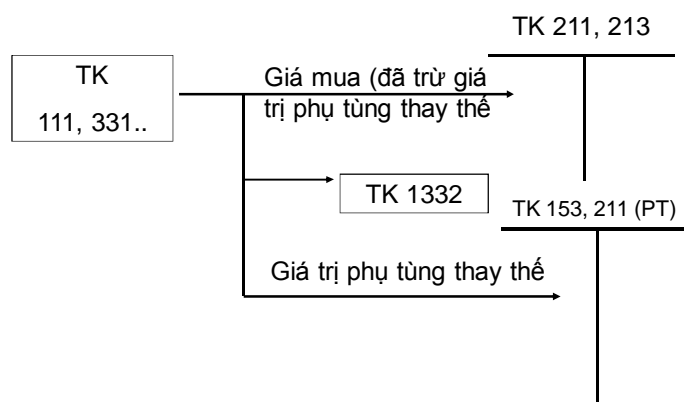
Ví dụ 12

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Vay dài hạn ngân hàng để thanh toán tiền mua một thiết bị sử dụng ở phân xưởng trị giá 40.000.000 đ, thuế GTGT 10%, chi phí lắp đặt, chạy thử trước khi sử dụng là 5.000.000 đ, thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt
2. Mua một cửa hàng giới thiệu sản phẩm có giá mua chưa có thuế là 5.000.000.000 đ, thuế GTGT 10% trên giá không bao gồm quyền sử dụng đất, thanh toán bằng TGNH. Giá mua cửa hàng được phân tích gồm giá của cửa hàng là 3.200.000.000 đ, quyền sử dụng đất là 1.800.000.000 đ.
3. Mua một thiết bị sử dụng ngay tại phân xưởng dưới hình thức trả góp trong 24 tháng với số tiền thanh toán 10 triệu đồng/tháng. Giá mua trả ngay của thiết bị là 200 triệu đồng (giá chưa thuế, thuế suất 10%).

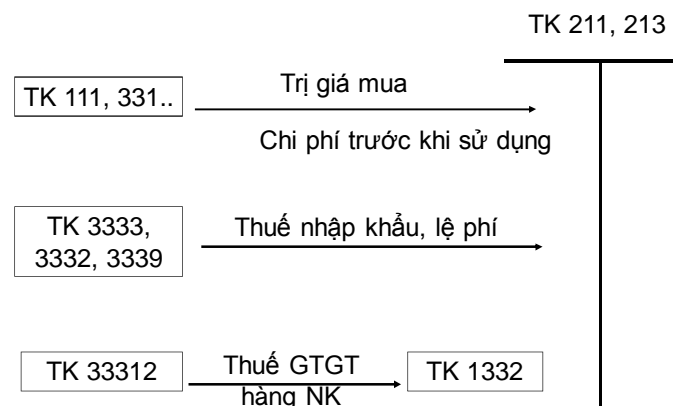
72

Mua tài sản cố định kèm phụ tùng thay thế



73

Nhập khẩu Tài sản cố định



75

Ví dụ 13

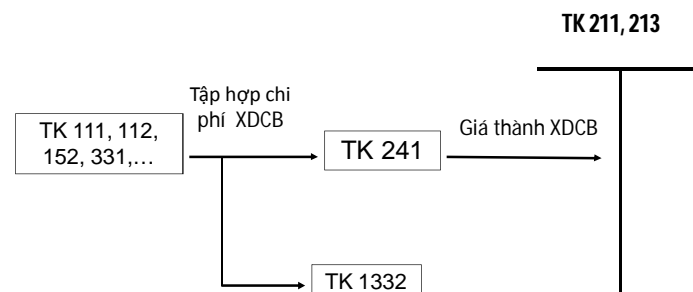
Cty thương mại Anpha mua 1 xe nâng nhãn hiệu T, giá mua chưa có thuế GTGT được khấu trừ là 56 triệu đồng, thuế suất thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Phụ tùng kèm theo xe là 1 bộ xích nâng với giá trị hợp lý là 3 triệu đồng.

Yêu cầu: Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



74

Tài sản cố định hình thành từ XDCB



76

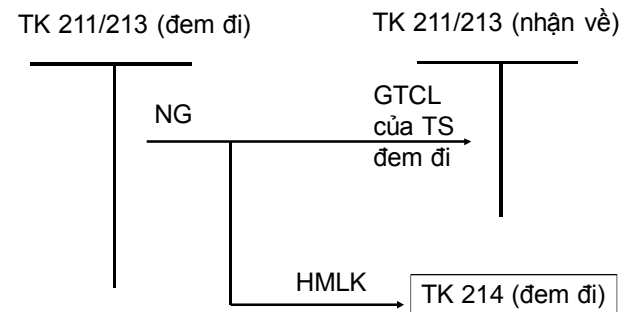
Ví dụ 14

1. Công ty đầu tư xây dựng một nhà xưởng, tổng chi phí đầu tư tập hợp đến ngày bàn giao đưa vào sử dụng là 1.200.000.000đ.
2. Nhập khẩu một TSCĐ từ nước ngoài phục vụ ngay tại phân xưởng. Giá mua 12.000 USD, tỷ giá thực tế 20.815đ/USD. Thuế NK phải nộp theo thuế suất 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10% giá có thuế nhập khẩu. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử tổng cộng là 19.800.000đ, gồm cả 10% thuế GTGT, doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Thực hiện định khoản

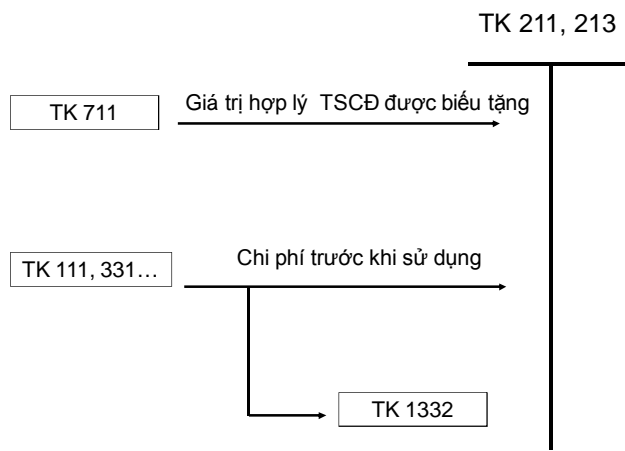
77

Tài sản cố định trao đổi tương tự



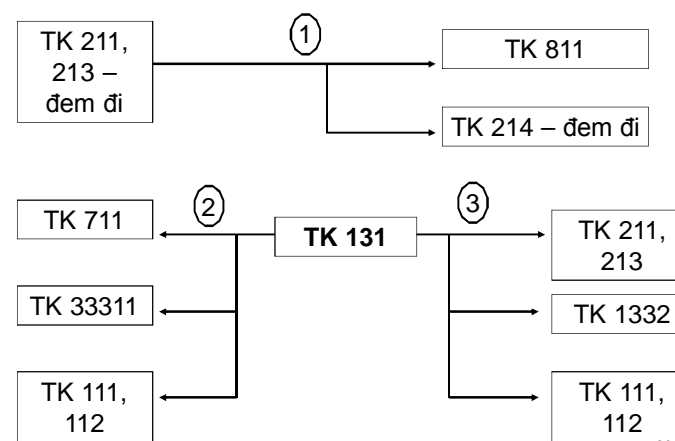
79

Tài sản cố định được biếu tặng



78

Tài sản cố định trao đổi không tương tự



80

Ví dụ 15

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- Nhận biếu tặng 1 máy vi tính chưa qua sử dụng, trị giá 45 trđ, doanh nghiệp nhận về sử dụng ở bộ phận bán hàng. Chi phí vận chuyển máy tính về đến doanh nghiệp là 660.000đ (đã có thuế GTGT 60.000), đã chi bằng tiền mặt.
- Đem một TSCĐHH đưa đi trao đổi để lấy một TSCĐHH khác không tương tự. Nguyên giá của TSCĐHH đưa đi trao đổi 50.000.000đ, giá trị hao mòn của nó là 20 trđ, giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi là 30 trđ. Doanh nghiệp nhận lại một TSCĐ HH khác, với số tiền bù thêm là 5,5 trđ. Doanh nghiệp đã chi TGNH để trả thêm cho bên trao đổi chênh lệch giữa giá trị tài sản đưa và giá trị tài sản nhận về. Biết trong giao dịch trên thuế GTGT là 10%.

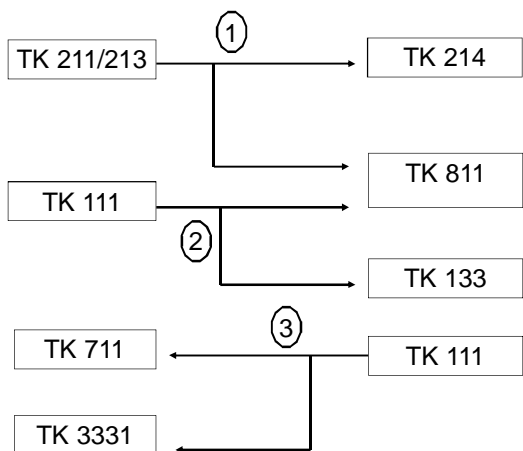
81

Ví dụ 16

- Thanh lý một TSCĐ HH nguyên giá 50.000.000đ đã khấu hao 45.000.000đ. Chi phí nhượng bán trả bằng TM 4.500.000đ. Tiền thu về nhượng bán TSCĐ bằng TGNH giá bán 4.000.000đ, thuế GTGT phải nộp 10%.
- Nhượng bán một thiết bị sản xuất ở phân xưởng sản xuất số 1 cho Công ty X:
 - Nguyên giá 380.000.000đ, đã khấu hao 190.000.000đ
 - Giá bán chưa có thuế GTGT: 180.300.000đ
 - Thuế GTGT phải nộp : 18.030.000đ
 - Nhận giấy báo Có của Ngân hàng Công ty X đã thanh toán.
 - Chi tiền mặt thanh toán cho việc tân trang sửa chữa trước khi bán thiết bị là 20.000.000đ.
 - Hoa hồng môi giới 1.000.000đ trả bằng TM.

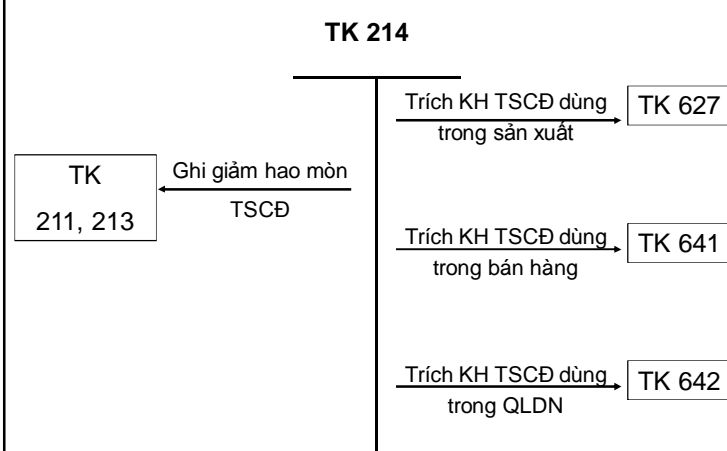
83

Thanh lý/Nhượng bán Tài sản cố định



82

Khấu hao Tài sản cố định



84

Ví dụ 17

Thực hiện trích khấu hao hay giảm trích khấu hao TSCĐ (theo phương pháp đường thẳng) cho các trường hợp sau:

- Ngày 5/4: mua trả chậm một thiết bị sản xuất dùng cho hoạt động sản xuất, giá mua trả ngay đã bao gồm thuế GTGT 10% là 330 triệu đồng, lãi trả chậm 20 tháng là 20 triệu đồng. Thời gian sử dụng là 60 tháng.
- Ngày 10/4, nhượng bán một thiết bị sử dụng ở văn phòng, nguyên giá 30 triệu đồng, thời gian sử dụng 30 tháng, đến cuối tháng 3 đã khấu hao được 20 tháng.

85

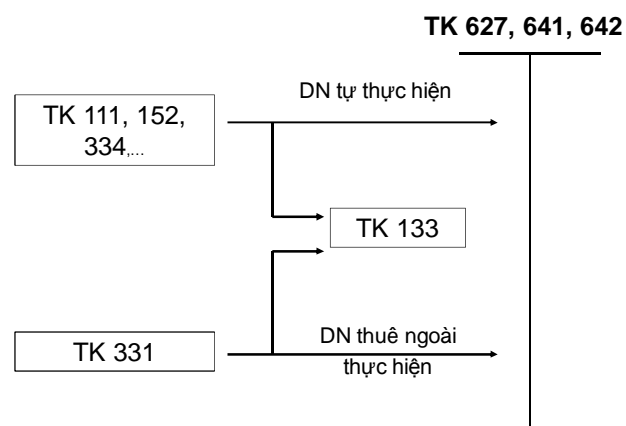
Ví dụ 18

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

- Sửa chữa nhỏ TSCĐ tại bộ phận sản xuất 3.000.000đ, thanh toán bằng tiền mặt.
- Thuê ngoài bảo trì máy lạnh, máy photo với chi phí phát sinh là 6.200.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền mặt. Kế toán phân bổ chi phí này trong 3 tháng, kể từ tháng này.

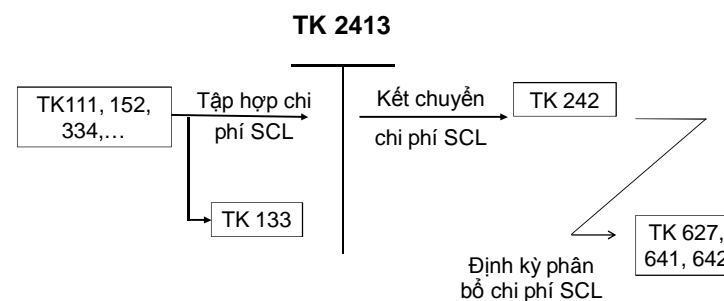
87

Sửa chữa thường xuyên Tài sản cố định



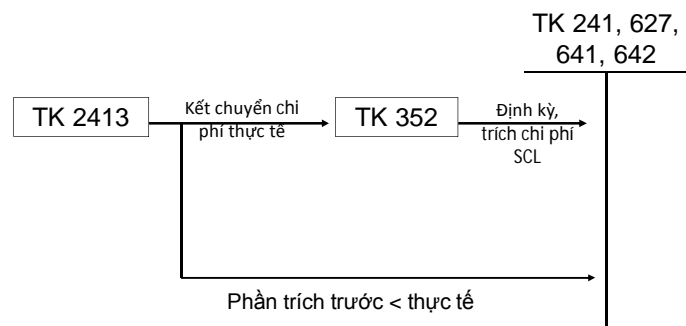
86

Sửa chữa lớn Tài sản cố định



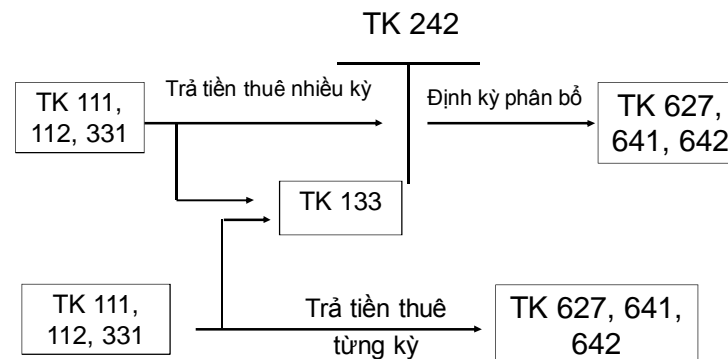
88

Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ



89

Đi thuê TSCĐ (thuê hoạt động)



91

Ví dụ 19

- Thuê ngoài sửa chữa lớn đột xuất một tài sản cố định đang sử dụng ở bộ phận quản lý, thời gian sửa chữa kéo dài 2 tháng. Chi phí sửa chữa lớn thanh toán bằng TGNH 88 tr, trong đó có thuế GTGT 10%. Kế toán thực hiện phân bổ chi phí sửa chữa này 20 tháng, kể từ tháng này.
- DN đã có kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ X đang dùng ở bộ phận sản xuất nên từ đầu năm DN đã lập dự phòng vào chi phí mỗi tháng 40 tr. Đến tháng này, tổng số dự phòng đã lập là 200 tr. Chi phí sửa chữa lớn tập hợp:
 - Chi phí vật liệu xuất dùng: 40 tr
 - Chi phí thiết bị thay thế xuất dùng: 120 tr
 - Chi phí nhân công phải trả: 42 tr
 - Chi phí khác bằng tiền: 3 tr.
 Việc sửa chữa lớn TSCĐ đã hoàn thành. Kế toán quyết toán với số liệu trích trước của TSCĐ X.

90

Ví dụ 20

- Thuê hoạt động xe chở nhân viên văn phòng với giá thuê trả hàng tháng là 5.000.000đ (chưa có thuế GTGT 10%). Tiền thuê trả 6 tháng 1 lần. Giá trị của tài sản này theo hợp đồng là 500.000.000đ, thời gian sử dụng hữu ích 10 năm. Doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán tiền thuê của 6 tháng.
 - Thuê hoạt động một căn nhà để làm cửa hàng giới thiệu sản phẩm với giá thuê là 16.000.000 đ/tháng (chưa có thuế GTGT 10%). Tiền đặt cọc là 6 tháng tiền thuê. Doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán tiền đặt cọc và 1 tháng tiền thuê. Căn nhà có NG 3.000 tr, thời gian sử dụng hữu ích 20 năm.
- Yêu cầu:** Thực hiện các bút toán cần thiết ở bên Đi thuê và bên Cho thuê.

92

Trình bày báo cáo tài chính

Trong báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải trình bày theo từng loại TSCĐ hữu hình về những thông tin sau:

- Phương pháp xác định nguyên giá TSCĐ hữu hình;
- Phương pháp khấu hao; thời gian sử dụng hữu ích hoặc tỷ lệ khấu hao;
- Nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại vào đầu năm và cuối kỳ.

93

Trình bày báo cáo tài chính

- Ngoài những vấn đề trình bày tương tự như TSCĐ hữu hình, đối với TSCĐ vô hình phải thuyết minh thêm:
 - Lý do một TSCĐ vô hình được khấu hao trên 20 năm (Khi đưa ra các lý do này, doanh nghiệp phải chỉ ra các nhân tố đóng vai trò quan trọng trong việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản);
 - Giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình do Nhà nước cấp, trong đó ghi rõ: Giá trị hợp lý khi ghi nhận ban đầu; Giá trị khấu hao lũy kế; Giá trị còn lại của tài sản.
 - Giải trình khoản chi phí trong giai đoạn nghiên cứu và chi phí trong giai đoạn triển khai đã được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
 - Các thay đổi khác về TSCĐ vô hình.

95

Trình bày báo cáo tài chính (tiếp)

Trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (Phần TSCĐ hữu hình) phải trình bày các thông tin:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng, giảm trong kỳ;
- Số khấu hao trong kỳ, tăng, giảm và lũy kế đến cuối kỳ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng;
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang chờ thanh lý;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

94

Xem BCTC của VNM 2015

96